TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2025/DS-PT
Ngày 03/4/2025
Về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tâm

Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 31 tháng 3 và ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 662/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 226/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐ- PT ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N là chị Dương Thúy D, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 26-8-2024; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ B (nay là tổ A), ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T1 là chị Trần Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 17-01-2025; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn H1, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị N và đại diện uỷ quyền của bà N là chị Dương Thúy D trình bày:

Do có quen biết nhau, bà Trần Thị T1 (tự Lượm tư Đ) và ông Nguyễn Văn T có tham gia chơi hụi do bà làm chủ như sau:

- Hụi khui ngày 25-7-2022 al, hụi 5.000.000 đồng mở 02 dây là dây 1 và dây 2, mỗi dây gồm 26 phần, bà T1 tham gia 4 phần, mỗi dây là 2 phần (tham gia tên trong danh sách hụi là Lượm tư Đ), hốt 01 phần của dây 2, số tiền hốt được 92.000.000 đồng, hốt vào ngày 25-02T-2023 (năm nhuận), còn sống 03 phần, khi hốt hụi xong là ngưng đóng luôn cho đến nay. Phần hụi chết còn nợ 18 kỳ chưa đóng là 90.000.000 đồng. Hụi sống 03 phần mỗi phần đóng được 8 lần, tổng cộng đóng được 24 kỳ, số tiền hụi đóng bình quân mỗi kỳ là 3.500.000 đồng x 24 kỳ thành tiền 84.000.000 đồng. Khấu trừ hụi chết và hụi sống thì bà T1 còn nợ lại bà là 6.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 06-4-2022 A, hụi 5.000.000 đồng gồm 26 phần, mở 2 dây là dây 1 và dây 2. Bà T1 tham gia 2 phần, mỗi dây 01 phần, bà T1 hốt 01 phần dây 1, hốt được 91.900.000 đồng, hốt kỳ thứ 8. Nợ 15 kỳ hụi chết chưa đóng là 75.000.000 đồng. Phần hụi sống đóng được 11 kỳ hụi sống bình quân mỗi kỳ đóng 3.500.000 đồng, số tiền đã đóng là 38.500.000 đồng. Khấu trừ hụi sống và hụi chết bà T1 ông T còn nợ lại bà 36.500.000 đồng.

- Hụi khui ngày 10-5-2022 A, hụi 5.000.000 đồng gồm 26 phần, mở 02 dây, dây 1 và dây 2, bà T1 tham gia 03 phần, dây 1 tham gia 01 phần, dây 2 tham gia 02 phần, bà T1 hốt hết 03 phần hụi trên. Hụi chết còn nợ lại 16 kỳ x 3 phần là 48 kỳ, số tiền còn nợ lại là 240.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 15-9-2021 al, hụi 5.000.000 đồng, mở 2 dây là dây 1 và dây 2, gồm 24 phần. Bà T1 tham gia 02 phần, hốt hết 02 phần, đóng lại hụi chết đến

tháng 02/2022 thì ngưng, nợ 6 kỳ hụi chết của 2 phần là 12 kỳ x 5.000.000 đồng 60.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 20-12-2022 al, hụi 2.000.000 đồng, mở 1 dây gồm 22 phần. Bà T1 tham gia 4 phần, còn sống 04 phần, dây hụi này bà T1 đóng được 3 tháng thì ngưng luôn, bình quân mỗi kỳ đóng 1.500.000 đồng, bà N còn nợ lại bà T1 18.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 20-3-2021 al, hụi 5.000.000 đồng, mở 3 dây là dây 1, 2 và dây 3, mỗi dây gồm 27 phần. Bà T1 tham gia 03 phần mỗi dây 01 phần, đã hốt hết, đóng lại hụi chết đến tháng 02/2022 thì ngưng, còn nợ lại mỗi phần hụi chết là 3 kỳ x 3 phần thành 9 kỳ hụi chết với số tiền 45.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 20-11-2022 al, hụi 5.000.000 đồng, mở 1 dây gồm 30 phần. Bà T1 tham gia 02 phần còn sống, đóng được 4 kỳ thì ngưng, đóng được tổng cộng 8 kỳ, bình quân mỗi kỳ là 3.500.000 đồng với số tiền 28.000.000 đồng. Bà N còn nợ bà T1 là 28.000.000 đồng.

Tổng khấu trừ hụi chết và hụi sống còn lại là: Hụi chết bà T1 ông T nợ: 387.500.000 đồng - Hụi sống bà N nợ: 46.000.000 đồng còn nợ lại 341.500.000 (ba trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng. Lý do chênh lệch so với số tiền khởi kiện ban đầu là do lúc đầu tính theo hụi chết được hưởng.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông T bà T1 trả tổng số tiền hụi là 305.000.000 (ba trăm lẻ năm triệu năm trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị T1 trình bày:

Do có quen biết nhau, bà Trần Thị T1 có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi như sau:

- Hụi khui ngày 25-7-2022 al, hụi 5.000.000 đồng mở 02 dây là dây 1 và dây 2, mỗi dây gồm 26 phần, bà T1 tham gia 16 phần, mỗi dây là 8 phần (tham gia tên trong danh sách hụi là Lượm tư Đ), hốt 03 phần dây 1, còn sống 13 phần, khi hốt hụi xong đóng đến tháng 9/2023 thì ngưng, do bà N báo bể hụi. Phần hụi chết còn nợ 11 kỳ chết chưa đóng của 3 dây là 33 kỳ, số tiền hụi chết nợ lại là 165.000.000 đồng. Hụi sống 13 phần mỗi phần đóng được 16 lần, tổng đóng được 208 kỳ, số tiền hụi đã đóng là 721.420.000 đồng. Khấu trừ hụi chết và hụi sống thì bà N còn nợ lại bà T1 là 556.420.000 đồng.

- Hụi khui ngày 06-4-2022 A, hụi 5.000.000 đồng gồm 26 phần, mở 2 dây là dây 1 và dây 2. Bà T1 tham gia 02 phần, mỗi dây 01 phần. Bà T1 hốt 01 phần dây 1, hốt được 91.900.000 đồng, hốt kỳ thứ 8. Hốt xong đóng đến tháng 06-9-2023 thì ngưng vì bà N bể hụi. Nợ 8 kỳ hụi chết chưa đóng 40.000.000 đồng. Phần hụi sống

đóng được 19 kỳ hụi sống, số tiền đã đóng là 62.865.000 đồng. Khấu trừ hụi sống và hụi chết bà N còn nợ lại bà T1 là 22.865.000 đồng.

- Hụi khui ngày 10-5-2022 A, hụi 5.000.000 đồng gồm 26 phần, mở 02 dây, dây 1 và dây 2. Bà T1 tham gia 07 phần, dây 1 tham gia 03 phần, dây 2 tham gia 04 phần. Bà T1 hốt hết 04 phần hụi trên đóng lại hụi chết đến tháng 9/2023 thì ngưng. Hụi chết còn nợ lại 8 kỳ x 4 phần là 32 kỳ, số tiền còn nợ lại là 160.000.000 đồng. 03 phần sống đóng được 18 kỳ của 3 phần là 54 kỳ, số tiền đóng được là 179.520.000 đồng. Khấu trừ bà N còn nợ lại bà T1 là 19.520.000 đồng.

- Hụi khui ngày 15-9-2021 al, hụi 5.000.000 đồng, mở 2 dây 1 và 2, gồm 24 phần. Bà T1 tham gia 03 phần, hốt hết 03 phần, đóng lại hụi chết mãn xong không còn nợ.

- Hụi khui ngày 20-12-2022 al, hụi 2.000.000 đồng, mở 1 dây gồm 22 phần. Bà T1 tham gia 04 phần, còn sống 04 phần, dây hụi này bà T1 đóng được 3 tháng thì ngưng luôn, bình quân mỗi kỳ đóng 1.500.000 đồng còn nợ lại bà T1 18.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 20-3-2021 al, hụi 5.000.000 đồng, mở 3 dây là dây 1, 2 và 3 gồm 27 phần mỗi dây. Bà T1 tham gia 04 phần. Dây 1 tham gia 03 phần, dây 2 tham gia 01 phần, dây 3 không tham gia. Đã hốt hết đóng mãn vào ngày 20-5-2023 không còn nợ.

- Hụi khui ngày 20-11-2022 al, hụi 5.000.000 đồng, mở 1 dây gồm 30 phần. Bà T1 tham gia 02 phần còn sống, đóng được 12 kỳ của 02 phần là 24 kỳ số tiền đóng được là 78.680.000 đồng. Bà N còn nợ bà T1 là 78.680.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà N còn nợ bà T1 là 695.485.000 (sáu trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn) đồng đã khấu trừ hụi chết và hụi sống.

Sau đó, bà T1 không đồng ý khấu trừ hụi chết và hụi sống với bà N, vì bà N chưa tính hụi rõ ràng, chưa cung cấp chứng cứ nên bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện theo đơn phản tố, yêu cầu bà N ông H1 trả cho bà T1 số tiền 1.042.485.000 (một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà T1 không đồng ý, vì không còn nợ tiền bà N.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T không có lời trình bày, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho ông T nhưng ông T không nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa, không đến Tòa và không có lời trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn H1 trình bày:

Ông H1 không quen biết với vợ chồng bà T1, ông T, về việc tham gia hụi giữa bà vợ chồng bà T1, ông T với vợ ông bà N thì ông không biết, ông không cho vợ ông làm hụi vì bà không biết chữ và thường đau bịnh. Việc thu lợi về tiền cò làm chủ hụi là bà Nhan Đ1 vào dây hụi khác và ông cũng đã bán 01 phần đất trả nợ cho bà N rồi. Hiện vợ chồng sống chung nhà nhưng không có tiếng nói chung. Bà N khởi kiện yêu cầu bà T1 ông T trả nợ thì ông thống nhất với yêu cầu này của bà N. Đối với yêu cầu phản tố của bà T1 yêu cầu ông và bà N cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.042.485.000 (một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn) đồng thì ông không đồng ý vì ông không nợ bà T1 và không liên quan đến ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà T1 yêu cầu xử lý đơn xin chuyển vụ án của bà về Tòa án thành phố T giải quyết và bỏ về không tham gia phiên tòa xét xử. Ông T có mặt tại Tòa trình bày: Toàn bộ quá trình tham gia hụi của bà T1 với bà N ông không biết, ông với bà T1 là quen biết nhau, thỉnh thoảng bà T1 có qua nhà ông chơi rồi về. Nay bà N kiện ông thì ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, ông không tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi, không nợ tiền hụi bà N. Việc bà T1 tham gia hụi ông không biết.

Tại Bản án dân sư sơ thẩm số 226/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định :

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với bà Trần Thị T1 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Trần Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ hụi là 305.000.000 (ba trăm lẻ năm triệu) đồng. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi.

Không chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị T1 yêu cầu bà Trần Thị N và ông Dương Văn H1 trả số tiền 1.042.485.000 (một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/10/2024 bà Trần Thị T1 làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét huỷ bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng và yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân Thành phố Tây Ninh xét xử lại theo hướng không

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị N, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị T1 là chị Trần Thị H trình bày: Bà T1 có tham gia các dây hụi do bà N làm chủ hụi nhưng chưa hốt hụi nếu bà N cho rằng bà T1 đã hốt hụi thì phải có giấy đăng hụi của từng dây hụi đã hốt. Bà T1 không thừa nhận các giấy đăng hụi đã bị chỉnh sửa do bà N cung cấp ở cấp sơ thẩm. Bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Do tin tưởng bà T1 nên khi bà N đăng hụi cho bà T1 thì có dây hụi có giấy đăng hụi và có dây hụi không có giấy đăng hụi. Bà N thừa nhận bà có chỉnh sửa các giấy đăng hụi nhưng khi chỉnh sửa thì bà T1 vẫn đồng ý và ký tên. Bà N không đồng ý kháng cáo của bà T1 và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị T1 là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị T1:

[2.1] Bà T1 yêu cầu hủy án sơ thẩm với các lý do: Tòa án huyện C giải quyết vụ án là sai thẩm quyền; vi phạm thủ tục khi tuyên án, không giao bản án đúng hạn.

Nhận thấy: Theo đơn phản tố của bà T1 ngày 08/8/2024 thể hiện địa chỉ của bà T1 là ở huyện C nên Tòa án huyện C xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, qua xác minh và sự thừa nhận của bà T1, ông T thì thỉnh thoảng bà T1 có ở nhà ông T tại huyện C; nguyên đơn bà N xác định khi tham gia hụi thì bà T1 cũng ở huyện C nên bà N có quyền yêu cầu Tòa án Châu Thành giải quyết vụ án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án huyện C thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện, bà T1 có mặt tại thời điểm khai mạc phiên tòa, sau đó bà T1 yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án đến TAND thành phố Tây Ninh giải quyết và tự bỏ về, không tham dự phiên tòa nên bà T1 không tham gia tranh luận tại tòa là lỗi của bà T1; Hội đồng xét xử không hoãn, không tạm ngừng phiên tòa nên không phải thông báo lại cho bà T1.

Tòa sơ thẩm tuyên án ngày 28/9/2024 nhưng đến ngày 11/10/2024 mới giao bản án cho bà là có trễ hạn so với quy định; tuy nhiên việc này không ảnh hưởng đến việc kháng cáo của bà T1. Do đó, không có căn cứ để hủy án sơ thẩm theo yêu cầu của bà T1; tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về thời hạn gửi bản án cho đương sự.

[2.2] Theo biên bản đối chất ngày 26/02/2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Bà N xác định bà T1 có tham gia các dây hụi như sau*:*

- Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 20-3-2021 al, bà N mở 3 dây hụi, mỗi dây hụi 27 phần, bà T1 tham gia 03 phần mỗi dây 01 phần, bà T1 đã hốt hết, hụi mãn ngày 20/7/2023 al, có giấy đăng hụi 01 phần vào ngày 20/8/2021 số tiền đăng là 84.950.000 đồng, còn lại 02 phần đã hốt nhưng không có giấy đăng hụi, bà T1 còn phải đóng lại 05 tháng hụi chết là 5 tháng x 3 phần x 5.000.000 đồng với số tiền là 75.000.000 đồng. Bà T1 khai có tham 04 phần đã hốt hết và đã đóng hụi chết đầy đủ không còn nợ bà N.

- Dây hụi 5.000.000.000 đồng khui ngày 15-9-2021 al, bà N mở 2 dây, mỗi dây gồm 24 phần, bà T1 tham gia 02 phần mỗi dây 01 phần bà T1 hốt hết 02 phần, hụi mãn ngày 15/8/2023, bà T1 không đóng hụi từ tháng 2/2023 al (tháng 2 sau) còn nợ lại 6 lần x 2 phần x 5.000.000 đồng với số tiền là 60.000.000 đồng, có giấy đăng hụi nhưng bị chỉnh sửa số tiền hụi. Bà T1 khai có tham gia 03 phần hụi, đã hốt 02 phần còn lại 01 phần hụi sống và đóng hụi chết đầy đủ không còn nợ bà N.

- Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 06-4-2022 al, bà N mở 2 dây, mỗi dây gồm 26 phần, bà T1 tham gia 02 phần, mỗi dây 01 phần, bà T1 hốt 01 phần số tiền 91.900.000 đồng nhưng không có giấy đăng hụi, bà T1 đóng hụi chết đến tháng 02/2023 thì ngưng, bà T1 còn nợ lại 15 lần x 5.000.000 đồng với số tiền 75.000.000 đồng. Phần hụi sống bà T1 đóng được 11 lần bình quân mỗi kỳ đóng 3.500.000 đồng, số tiền đã đóng là 38.500.000 đồng. Bà T1 khai có tham gia 02 phần nhưng chưa hốt phần hụi nào.

- Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 10-5-2022 al, bà N mở 02 dây gồm 26 phần, bà T1 tham gia 03 phần, dây 1 tham gia 01 phần, dây 2 tham gia 02 phần, bà T1 hốt hết 03 phần hụi trên nhưng không có giấy đăng hụi, bà T1 đóng hụi chết đến tháng 02/2023 al thì ngưng, số tiền hụi chết bà T1 còn nợ lại 16 kỳ x 3 phần với số tiền là 240.000.000 đồng. Bà T1 khai là tham gia 07 phần nhưng chưa hốt phần hụi nào.

- Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 25-7-2022 al, bà N mở 02 dây, mỗi dây gồm 26 phần, bà T1 tham gia 04 phần, mỗi dây là 02 phần, bà T1 hốt 01 phần của dây 2, số tiền hốt được 92.800.000 đồng, hốt vào ngày 25-02-2023, có giấy đăng hụi, phần hụi chết còn nợ 18 lần x 5.000.000 đồng với số tiền là 90.000.000 đồng. Còn 03 phần hụi sống còn lại bà T1 đã đóng được 08 tháng, đóng đến ngày

25/02/2023 tổng số tiền 8 lần x 3 phần x 3.200.000 đồng với số tiền là 76.800.000 đồng. Bà T1 khai là tham gia 08 phần, đã hốt 01 còn lại 07 phần hụi sống chưa hốt.

- Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 20-11-2022 al, bà N mở 1 dây gồm 30 phần, bà T1 tham gia 02 phần còn sống, đóng được 04 lần hụi sống thì ngưng từ ngày 20/02/2023 al, cụ thể 04 lần x 02 phần x 3.200.000 đồng với số tiền là 25.600.000 đồng. Bà T1 khai là tham gia 04 phần chưa hốt phần hụi nào.

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 20-12-2022 al, bà N mở 1 dây gồm 22 phần, bà N khai bà T1 tham gia 04 phần, còn sống 04 phần, dây hụi này bà T1 đóng được 03 tháng thì ngưng luôn, bình quân mỗi lần đóng 1.300.000 đồng tổng số tiền hụi bà T1 đóng được 46.800.000 đồng. Nhưng bà T1 không thừa nhận có tham gia dây hụi này.

[2.3] Xét yêu cầu phản tố của bà Trần Thị T1 thấy rằng:

Bà N yêu cầu bà T1 trả số tiền hụi chết chưa đóng là 335.800.000 đồng. Bà T1 không đồng ý trả nợ và có yêu cầu phản tố. Bà N có cung cấp các giấy đăng hụi nhưng các giấy đăng hụi đều bị chỉnh sửa số tiền đăng hụi và ngày tháng năm đăng hụi. Bà N thừa nhận bà tự chỉnh sửa số tiền đăng hụi, ngày tháng năm trong giấy đăng hụi và sửa giấy đăng hụi trước mặt bà T1 nhưng bà T1 không thừa nhận các giấy đăng hụi này, do đó những giấy đăng hụi đã bị chỉnh sửa nên không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên trong các giấy đăng hụi mà bà N cung cấp có 02 giấy đăng hụi: 01 giấy đăng hụi ngày 25-7-2022 số tiền 92.800.000 đồng (bút lục 206) và 01 giấy đăng hụi ngày 25-8-2021 số tiền 84.950.000 đồng (bút lục 200) có chử viết, chữ ký của bà T1 không bị chỉnh sửa và bà T1 cũng thừa nhận đây là chữ viết, chữ ký của bà T1. Bà T1 thừa nhận có hốt hụi nhưng đã đóng hụi chết đầy đủ không còn nợ bà N nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã đóng hụi chết cho bà N nên buộc bà T1 trả lại cho bà N số tiền hụi đã hốt theo 02 giấy đăng hụi mà bà T1 đã ký nhận với bà N là có căn cứ.

Việc bà T1 phản tố cho rằng bà có tham gia hụi của bà N và số phần hụi bà tham gia nhiều hơn so với số phần hụi bà N cung cấp và bà đã đóng hụi sống cho bà N tổng cộng số tiền là 1.042.485.000 đồng nên yêu cầu bà N trả lại số tiền trên nhưng bà N không thừa nhận, bà T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh là bà đã tham gia nhiều phần hụi và số tiền hụi đã đóng cho bà N. Do đó, chỉ xác định số phần hụi bà T1 tham gia của từng dây hụi theo lời trình bày của bà N là phù hợp. Bà N thừa nhận bà T1 có tham gia chơi hụi và đã đóng các phần hụi sống cho bà N tổng cộng tiền là 102.400.000 đồng nên buộc bà N trả lại cho bà T1 số tiền hụi sống đã đóng là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị T1 và căn cứ vào các giấy đăng hụi đã bị chỉnh sửa để buộc bà T1 trả lại tiền hụi cho bà N là chưa đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T1.

[3] Do giấy đăng hụi bị chỉnh sửa, bà N là chủ hụi đã thừa nhận có chỉnh sửa giấy đăng hụi. Do bà T1 không thừa nhận có hốt hụi, bà T1 không có ký tên trên giấy đăng hụi nên tính hụi lại theo các dây hụi, số phần hụi theo số tiền hụi mà bà N cung cấp. Được tính như sau:

Số tiền hụi chết mà bà T1 đã hốt theo giấy đăng hụi ngày 25/8/2021 và giấy đăng hụi ngày 30/02/2023 là 92.800.000 đồng + 84.950.000 đồng = 177.750.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng;

Số tiền hụi sống bà N thừa nhận bà T1 đã đóng cho bà N là 76.800.000 đồng + 25.600.000 đồng = 102.400.000 đồng (một trăm lẽ hai triệu bốn trăm nghìn) đồng;

V sau khi khấu trừ tiền hụi bà T1 đã hốt của bà N và số tiền hụi sống bà T1 đã đóng cho bà N cụ thể:

177.750.000 đồng - 102.400.000 đồng = 75.350.000 đồng (bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N và chấp nhận một phần phản tố của bà Trần Thị T1. Buộc bà T1 còn phải thanh toán cho bà N số tiền hụi là 75.350.000 (bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng là phù hợp và có căn cứ.

[4] Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận một phần.

[5] Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Bà T1 phải chịu 3.767.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 40.202.500 đồng án phí dân sự của phần phản tố không được chấp nhận. Tổng số tiền án phí bà T1 phải chịu là 43.970.000 (bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng.

- Bà N phải chịu 6.362.500 (sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà T3 kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị T1; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với bà Trần Thị T1 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị T1 đối với bà Trần Thị N về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

3. Không chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Trần Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ hụi sau khi khấu trừ còn nợ lại là 75.350.000 (bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Bà Trần Thị T1 phải chịu 3.767.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 40.202.500 đồng án phí dân sự của phần phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng số tiền án phí bà T1 phải chịu là 43.970.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp 21.637.000 đồng theo biên lai thu số 0009616 ngày 08-8-2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà T1 còn phải nộp thêm số tiền 22.333.000 (hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

- Bà N phải chịu 6.362.500 đồng án phí sơ thẩm dân sự. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 7.625.000 đồng theo biên lai thu số 0009532 ngày 12-7-2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên hoàn trả lại cho bà N số tiền 1.262.500 (một triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T3 không phải chịu án phí phúc thẩm nên hoàn trả lại cho bà T1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009928 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Giàu